

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - D
TỈNH D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D, ngày 09 tháng 9 năm 2025

Số: 49/2025/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, ông Đinh Văn P có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 668, tờ bản đồ số 09, diện tích 1905,8m² (đất trồng cây hàng năm khác), tọa lạc tại thôn E, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn E, xã A, tỉnh D), đã được Nhà nước cấp cho bà Trần Thị H.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn P về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 668, tờ bản đồ số 09, diện tích 1905,8m² (đất trồng cây hàng năm khác), tọa lạc tại thôn E, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn E, xã A, tỉnh D), đã được Nhà nước cấp cho bà Trần Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H – Sinh ngày: 12/02/1962; nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn E, xã A, tỉnh D).

Số CCCD: 052162012612; ngày cấp: 10/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Bị đơn:** Ông Đinh Văn P – Sinh ngày: 09/6/1964; nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn E, xã A, tỉnh D).

Số Căn cước: 052064000642; ngày cấp: 01/8/2025; nơi cấp: Bộ Công an.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị H2 – Sinh ngày: 06/3/1965.

Số CCCD: 052165000515; ngày cấp: 01/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Ông Bùi Anh B2 – Sinh ngày: 01/4/1959.

Số CCCD: 052059008219; ngày cấp: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đồng cư trú: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn E, xã A, tỉnh D).

3. Bà Lê Thị C – Sinh ngày: 10/7/1955.

Số CCCD: 052155012088; ngày cấp: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

4. Ông Hồ Văn B3 – Sinh ngày: 16/9/1955.

Số CCCD: 052055009021; ngày cấp: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đồng cư trú: Thôn Kiều Đông, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn Kiều Đông, xã A, tỉnh D).

5. Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh D; địa chỉ: Thôn A, xã A, tỉnh D.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1. Bà Trần Thị H, ông Đinh Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Hồ Văn B3, bà Lê Thị C và ông Bùi Anh B2 thống nhất thừa đất số 668, tờ bản đồ số 09, diện tích 1905,8m² (đất trồng cây hàng năm khác), tọa lạc tại thôn E, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn E, xã A, tỉnh D), đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trần Thị H, trên thửa đất có một ngôi nhà diện tích 47,7m² của ông P và bà H2 xây dựng năm 2010 và trên thửa đất trên, ông P và bà H2 có trồng một số cây mít, xoài, ...

3.2. Bà Trần Thị H, ông Đinh Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Hồ Văn B3, bà Lê Thị C và ông Bùi Anh B2 thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận ông Đinh Văn P giao cho bà Trần Thị H 90.000.000^d (chín mươi triệu đồng) và ông Hồ Văn B3 giao cho bà Trần Thị H 10.000.000^d (mười triệu đồng), tổng cộng ông P và ông B3 giao cho bà Trần Thị H 100.000.000^d (một trăm triệu đồng), các bên đã giao nhận tiền xong.

3.3. Bà Trần Thị H, ông Đinh Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Hồ Văn B3, bà Lê Thị C và ông Bùi Anh B2 thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận giao thừa đất số 668, tờ bản đồ số 09, diện tích 1905,8m² (đất trồng cây hàng năm khác),

tọa lạc tại thôn E, xã F, huyện G, tỉnh B (nay là: Thôn E, xã A, tỉnh D) cho ông Đinh Văn P và bà Bùi Thị H2 trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Phú đang quản lý) (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3.4. Án phí DS-ST: Bà Trần Thị H, ông Đinh Văn P và bà Bùi Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng bà Trần Thị H, ông Đinh Văn P và bà Bùi Thị H2 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí ngày 26/8/2025 nên bà H, ông P và bà H2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004232 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B (cũ) (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - D).

Hoàn trả cho ông Đinh Văn P số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Đinh Văn P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005372 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B (cũ) (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - D).

3.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 10.000.000^d (mười triệu đồng), bà H và ông P tự nguyện chịu 10.000.000^d (mười triệu đồng), bà H và ông P mỗi người đã nộp 5.000.000^d tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nay được khấu trừ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - D;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh D;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - D;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đức